

KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN GIỐNG HOA LILY MANISSA CHO MỘT SỐ VÙNG MIỀN BẮC VIỆT NAM

Lê Thị Thu Hương¹, Nguyễn Xuân Kết¹, Nguyễn Thị Hồng Nhung¹

TÓM TẮT

Nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng của hoa lily tại miền Bắc Việt Nam việc tuyển chọn các giống hoa lily mới có màu sắc phong phú, thời gian sinh trưởng ngắn, phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng là việc làm cần thiết. Do vậy, từ năm 2011 Viện Nghiên cứu Rau quả đã tiến hành nhập nội và đánh giá tập đoàn 10 giống hoa lily có nguồn gốc từ Hà Lan. Kết quả đã tuyển chọn được giống hoa lily Manissa phù hợp với điều kiện vụ đông miền Bắc Việt Nam. Giống này có đặc điểm: thời gian sinh trưởng ngắn khoảng 77-83 ngày, chiều cao cây trung bình 116,6-126,2 cm, số nụ hoa/cây 3-5 nụ, cây sinh trưởng, phát triển tốt, hoa màu vàng tươi, thân cứng và đặc biệt chống chịu tốt với bệnh 'cháy ngọn' và thối củ. Hiệu quả đồng vốn thu được từ trồng giống Manissa đạt 1,09-1,15 lần.

Từ khoá: Chi *Lilium*, giống lily Manissa, lily Sorbonne, tuyển chọn giống.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay hoa lily (*Lilium* sp.) là một trong các loại hoa đang được ưa chuộng và có giá trị kinh tế cao trên thế giới và ở Việt Nam. Những kết quả nghiên cứu trong nước về tuyển chọn giống, các biện pháp canh tác,... đã cho thấy cây hoa lily có khả năng thích ứng tốt với điều kiện trồng ở Việt Nam và được người tiêu dùng ưu chuộng. Chính vì thế hoa lily đang trở thành loại hoa được trồng vào vụ đông ở hầu khắp các tỉnh miền Bắc Việt Nam.

Tuy nhiên, hiện tại chủng loại giống hoa lily thích hợp trồng tại miền Bắc nước ta vẫn còn hạn chế như giống hoa lily Sorbonne, giống đã được Bộ Nông nghiệp & PTNT công nhận chính thức năm 2009, chiếm đến 90% trong cơ cấu giống hoa lily hiện nay và giống lily Belladonna (được công nhận là giống cho sản xuất thử ở các tỉnh phía Bắc năm 2011) (Đặng Văn Đông và cộng sự, 2009; Trịnh Khắc Quang và cộng sự, 2011). Trong khi nhu cầu thực tế luôn đòi hỏi cần những giống hoa

lily mới, đẹp, màu sắc hấp dẫn. Tại một số vùng, người trồng hoa đã tự nhập giống từ nước ngoài nhằm bổ sung vào bộ giống cũ, song việc nhập giống rất bất cập vì giá thành cao, nhiều giống nhập về tỏ ra không thích ứng và dễ dẫn tới tình trạng bị động, gây thiệt hại cho người sản xuất.

Xuất phát từ vấn đề nêu trên, chúng tôi đã tiến hành đề tài: "Nghiên cứu, tuyển chọn giống hoa lily Manissa cho một số vùng miền Bắc Việt Nam".

2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Năm 2011, Viện Nghiên cứu Rau quả đã nhập nội tập đoàn 10 giống lily từ Hà Lan (bao gồm các giống thuộc 2 nhóm giống: Oriental-hybrids (giống lai Phương đông) và OT-hybrids (giống lai loa kèn)) (Bảng 1) về trồng thử nghiệm tại Gia Lâm - Hà Nội. Củ giống có chu vi 18/20, đã được xử lý lạnh để phá ngủ và bật mầm dài 3 cm. Giống Sorbonne là giống đối chứng.

Bảng 1. Tập đoàn giống hoa lily tham gia thí nghiệm

TT	Tên giống	Nhóm	Màu sắc hoa	TGST ¹ (ngày)
1	Conca d'Or	OT- Hybrids	Vàng đậm	95-100
2	Manissa	OT- Hybrids	Vàng	95-110
3	Pink Palace	OT- Hybrids	Tím hồng	110-120
4	Yelloween	OT- Hybrids	Vàng	100-110
5	Bernini	Oriental- Hybrids	Hồng đậm	100-110
6	Cherbourg	Oriental- Hybrids	Vàng/trắng	100-110
7	Donker Roze	Oriental- Hybrids	Tím đậm	110-120
8	La Mancha	Oriental- Hybrids	Hồng đậm/trắng	90-100
9	Tiber	Oriental- Hybrids	Hồng đậm	100-110
10	Sorbonne (đ/c)	Oriental- Hybrids	Hồng	100-110

¹ Viện Nghiên cứu Rau quả

Ghi chú: Giống lily Sorbonne đã được Bộ NN&PTNT công nhận là giống chính thức theo QĐ số 162/QĐ-TT-CLT ngày 04/6/2009

(*) Thời gian sinh trưởng (TGST) tại nơi xuất xứ (Hà Lan)

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Nội dung nghiên cứu

- Năm 2011: Đánh giá tập đoàn 10 giống hoa lily nhập nội tại Viện Nghiên cứu Rau Quả - Trâu Quỳ - Gia Lâm - Hà Nội. Tuyển chọn được 2 giống có triển vọng là Conca d'Or và Manissa.

- Năm 2012: Khảo nghiệm cơ bản 2 giống hoa lily Conca d'Or và Manissa tại Viện Nghiên cứu Rau Quả, đối chứng là giống lily Sorbonne. Kết quả chọn được giống ưu tú là giống lily Manissa.

- Năm 2013: Khảo nghiệm sản xuất giống hoa lily Manissa tại Hà Nội, Bắc Ninh, Sơn La, Hải Phòng, đối chứng là giống lily Sorbonne.

2.2.1 Phương pháp bố trí nghiệm

- Đối với thí nghiệm trồng khảo nghiệm giống năm 2011, mỗi giống gồm có 375 củ được bố trí theo khối ngẫu nhiên đầy đủ với 3 lần nhắc lại, diện tích mỗi ô là 5 m², 25 củ/m², thời vụ trồng: vụ đông (từ ngày 22/9-29/10 âm lịch).

- Thí nghiệm khảo nghiệm năm 2012 và 2013 được bố trí theo kiểu tuần tự không nhắc lại. Diện tích mỗi giống là 1000 m². Thời vụ trồng: từ ngày 22/9-29/10 âm lịch.

Các yếu tố phi thí nghiệm được thực hiện đồng nhất như nhau trên các công thức. Kỹ thuật chăm sóc, bón phân, phòng trừ sâu bệnh và một số biện pháp khác được áp dụng theo quy trình trồng hoa lily tạm thời của Viện NC Rau quả, 2011.

2.3.1 Các chỉ tiêu theo dõi

Chỉ tiêu về các đặc điểm hình thái (thân, lá, hoa); các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển (thời gian sinh trưởng (TGST), chiều cao cây, số lá, đường kính thân); các chỉ tiêu đánh giá chất lượng hoa (số nụ/cây, đường kính nụ, chiều dài nụ, đường kính hoa, độ bền cành hoa); các chỉ tiêu đánh giá sâu bệnh hại trên đồng ruộng được đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp điều tra phát hiện dịch hại cây trồng (QCVN 01-38:2010/BNNPTNT); hiệu quả đồng vốn (lần).

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Kết quả tuyển chọn

Kết quả đánh giá khả năng sinh trưởng, phát triển của các giống hoa lily tham gia thí nghiệm được trình bày ở bảng 2.

Bảng 2. Đặc điểm sinh trưởng của các giống lily trong tập đoàn (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Tỷ lệ mọc (%)	Cao cây cuối cùng (cm)	Số lá cuối cùng (lá/cây)	Đường kính thân (cm)	TGST (ngày)
1	La Mancha	98,0	88,6	61	0,74	90
2	Bernini	95,0	108,1	51,4	0,69	95
3	Cherbourg	97,0	96,0	52,9	0,69	96
4	Tiber	96,0	89,0	54,0	0,72	85
5	Conca d'Or	98,5	93,7	48	1,02	83
6	Pink Palace	97,0	112,9	38,3	0,75	82
7	Yelloween	99,0	110,9	93,3	0,78	72
8	Donker Roze	98,0	108,1	54,3	0,74	102
9	Manissa	99,0	120,5	70	1,11	85
10	Sorbonne (đ/c)	97,0	99,1	55,1	0,77	92
	CV(%)		4,11	5,30	3,31	
	LSD _{0,05}		5,32	4,28	0,12	

- Tỷ lệ mọc của các giống lily tương đối cao dao động 95,0-99,0%; chênh lệch giữa các giống không nhiều do các giống đều đã được xử lý ra mầm trước khi trồng.

- Chiều cao cây của các giống ở thời điểm thu hoạch chênh lệch nhau rất lớn. Cao nhất là giống Manissa (120,5 cm), thấp nhất là giống La Mancha (88,6 cm). Chiều cao cây của các giống

có ý nghĩa hết sức quan trọng, nó là cơ sở để quyết định mục đích trồng hoa cắt cành hay trồng để chơi chậu. Kết quả theo dõi cho thấy hầu hết các giống lily tham gia thí nghiệm đều có thể thích hợp với cả mục đích trồng chậu và cắt cành. Tuy nhiên, giống Yelloween, Pink Palace và Manissa thích hợp hơn khi làm hoa cắt cành; các giống còn lại thích hợp với mục đích trồng chậu.

- Đối với các giống lily thí nghiệm, giống Yelloween có số lá nhiều nhất là 93,3 lá/cây, giống Pink Palace có số lá thấp nhất là 38,3 lá/cây, các giống còn lại hầu hết có số lá trung bình 40,7 – 70 lá.

- Đường kính thân: 2 giống Conca d'Or và Manissa có đường kính thân đạt cao nhất 1,02 cm và 1,11 cm, các giống khác có đường kính thân dao động 0,69 – 0,78 cm.

- Thời gian sinh trưởng của các giống lily phụ thuộc rất nhiều vào đặc tính của giống, thời vụ

trồng, điều kiện thời tiết vùng trồng và biện pháp kỹ thuật tác động. Theo dõi cho thấy: Thời gian từ trồng đến thu hoạch (TGST) của các giống lily thuộc nhóm Oriental (85 - 102 ngày) dài hơn thời gian sinh trưởng của các giống lily của nhóm OT (72 – 85 ngày). Giống có thời gian sinh trưởng ngắn nhất là giống Yelloween (72 ngày), dài nhất là giống Donker Roze (102 ngày). Đối với các giống lily trồng thí nghiệm, nhóm giống OT (Pink Palace, Conca d'Or, Manissa, Yelloween) có thời gian sinh trưởng chênh lệch khá nhiều so với khi chúng được trồng ở nơi nguyên sản (Hà Lan), trung bình từ 25 ngày (Yelloween) đến 31 ngày (Pink Palace).

Chất lượng hoa là chỉ tiêu quan trọng để đánh giá khả năng thương mại hoá của giống khi đưa ra thị trường. Chất lượng hoa gồm các chỉ tiêu: Số hoa/cây, chiều dài cành, đường kính cành hoa, chiều dài nụ, đường kính hoa, thể hoa,...

Bảng 3. Chất lượng hoa của các giống lily (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Số nụ/ Cây (hoa)	Chiều dài nụ (cm)	Đường kính nụ (cm)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền cành hoa (ngày)
1	La Mancha	6,0	12,0	3,3	18,2	9
2	Bernini	4,3	10,9	2,9	17,8	8
3	Cherbourg	3,5	11,3	3,6	19,0	9
4	Tiber	4,8	10,6	3,1	16,4	8
5	Conca d'Or	3,9	12,0	3,7	18,0	10
6	Pink Palace	2,4	11,8	2,8	18,5	6
7	Yelloween	4,7	10,2	2,2	14,9	7
8	Donker Roze	4,9	11,6	3,3	22,0	9
9	Manissa	3,9	12,7	3,6	20,6	10
10	Sorbonne(đ/c)	6,2	10,7	2,9	19,0	10
	CV(%)	6,27	5,91	4,82		
	LSD _{0,05}	1,28	0,75	0,21		

Hầu hết các giống đều có độ bền hoa cắt dao động 7-10 ngày.

Nhìn chung, số nụ/ cây của nhóm Oriental khoảng 3,5-6,2 nụ, khá đồng đều và nhiều hơn so với nhóm OT từ 2,4 đến 4,7 nụ. So với giống đối chứng Sorbonne, chiều dài nụ của các giống La Mancha, Cherbourg, Pink Palace và Donker Roze cao hơn với số đo trung bình đạt 11,3 cm-12,4 cm.

So sánh chỉ tiêu chất lượng của các giống lily trong thí nghiệm cho thấy: 2 giống hoa lily (Conca d'Or và Manissa) có chất lượng hoa đạt cao nhất.

Hình thái, màu sắc và hương thơm là chỉ tiêu quan trọng để phân biệt giữa các giống lily và cũng là chỉ tiêu đánh giá chung về chất lượng của một giống hoa, quyết định đến giá cả cũng như hiệu quả kinh tế trong sản xuất hoa nói chung và lily nói riêng.

Bảng 4. Đặc điểm hình thái cây và hoa của các giống hoa lily (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Màu sắc hoa	Đặc điểm thân	Thế hoa và đặc điểm cánh hoa	Mùi thơm
1	La Mancha	Hồng đậm, có chấm nâu đỏ, viền trắng	Cứng, màu xanh nhạt	Hoa phân cành trung bình, hoa hướng lên trên, cánh hoa nhọn và hơi cong về phía sau, mép hoa lượn sóng	Thơm
2	Bernini	Đỏ, có chấm đỏ	Yếu, màu xanh tím	Hoa hướng lên trên, cánh hoa dày, mép hoa hơi lượn sóng	Thơm
3	Cherbourg	Vàng viền trắng	Rất cứng, màu xanh nhạt	Hoa hướng lên trên, cánh hoa dày, mép hoa hơi lượn sóng, cong ngược ra sau	Thơm
4	Tiber	Hồng đậm, viền trắng	Cứng, màu xanh tím	Hoa quay ngang, cánh hoa mỏng, mép hoa tròn	Thơm
5	Conca d'Or	Vàng đậm	Cứng, màu xanh nhạt	Hoa mọc thành chùm, hoa hướng lên trên, cánh hoa hơi nhọn và dày	Rất thơm
6	Pink Palace	Hồng tím	Yếu, màu xanh tím	Hoa hướng lên trên, cánh hoa mỏng, cong ngược ra sau, mép hoa tròn	Thơm nhẹ
7	Yelloween	Vàng tranh	Cứng, màu xanh tím nhạt	Hoa hướng lên trên, mép hoa tròn, cánh hoa mỏng, thuôn dài và nhỏ.	Thơm nhẹ
8	Donker Roze	Tím hồng đậm có chấm đen	Yếu, màu xanh nhạt gốc tím	Hoa hướng lên trên, cánh hoa dày, mép hoa lượn sóng	Thơm nhẹ
9	Manissa	Vàng	Rất cứng, màu xanh nhạt	Hoa mọc thành chùm, hoa hướng lên trên, cánh hoa tròn và dày	Rất thơm
10	Sorbonne (đ/c)	Hồng, có chấm đỏ, viền trắng	Cứng, màu xanh nhạt	Hoa hướng lên trên, cánh hoa nhọn và hơi cong về phía sau, cánh hoa dày	Rất Thơm

Kết quả cho thấy, tất cả các giống hoa lily nghiên cứu đều thuộc nhóm lily thơm với mức độ từ thơm nhẹ đến rất thơm. Ngoài giống đối chứng Sorbonne, 2 giống là Conca d'Or và Manissa có sự phân cành hoa cân đối, hoa thơm. Riêng giống Manissa có cành hoa dài, rất cứng, màu sắc hoa đẹp, được thị trường ưa chuộng.

Bên cạnh chỉ tiêu chất lượng hoa thì mục tiêu của công tác chọn, tạo giống hiện nay là giống phải có khả năng chống chịu và thích nghi tốt với những tác động xấu của môi trường để có thể trồng được ở nhiều vùng, nhiều vụ có điều kiện khác nhau mà vẫn cho năng suất cao, ổn định và phẩm chất tốt.

Hoa lily khi trồng trong điều kiện nhà lưới ở vụ đông hầu như không bị sâu hại mà chủ yếu là bị bệnh hại. Hai loại bệnh gây hại phổ biến ở lily là bệnh cháy lá sinh lý và bệnh thối củ do nấm *Fusarium oxysporum* gây ra. Bệnh cháy lá sinh lý

xuất hiện vào giai đoạn sau trồng 40 – 45 ngày, khi cây bắt đầu phân hóa nụ. Đây là những loại bệnh thường gặp khi trồng lily ở nơi có nhiệt độ và ẩm độ không khí cao.

Kết quả theo dõi cho thấy: các giống thuộc nhóm OT (Conca d'Or, Manissa, Yelloween, Pink Palace) có khả năng kháng bệnh thối củ, vảy củ và bệnh cháy lá sinh lý cấp 0-1 tốt hơn so với các giống thuộc nhóm Oriental: Tiber, Cherbourg, La Mancha, Donker Roze và Sorbonne. Điều này phù hợp với khuyến cáo của các công ty sản xuất củ giống hoa lily của Hà Lan. Đặc biệt các giống Conca d'Or, Manissa và Pink Palace có khả năng kháng bệnh cao không bị hai loại bệnh trên gây hại (cấp độ 0).

Như vậy, trong số 10 giống lily trồng khảo nghiệm cơ bản tại Viện Nghiên cứu Rau quả, đã chọn được 2 giống hoa lily là Conca d'Or và Manissa có khả năng sinh trưởng, phát triển; năng

suất, chất lượng hoa, khả năng kháng bệnh (thối củ, vảy củ và cháy lá sinh lý) cao hơn so với các giống khác và giống đối chứng. Như vậy, bước đầu có thể kết luận giống hoa lily Conca d'Or và Manissa rất phù hợp với điều kiện trồng trong vụ đông ở vùng Gia Lâm - Hà Nội.

Bảng 5. Mức độ bị bệnh hại của các giống hoa lily (vụ đông, 2011)

TT	Tên giống	Tỷ lệ cây bị bệnh thối củ (<i>Fusarium oxysporum</i>) (%)	Bệnh cháy lá Sinh lý (cấp)
1	La Mancha	1,7	1
2	Bernini	2,1	1
3	Cherbourg	0	1
4	Tiber	3,5	3
5	Conca d'Or	0	0
6	Pink Palace	0	0

7	Yelloween	1,5	1
8	Donker Roze	1,5	0
9	Manissa	0	0
10	Sorbonne(đ/c)	1,7	1

Ghi chú: Cấp 0: không bị bệnh. Cấp 1: < 1% diện tích lá bị bệnh; Cấp 3: 1 – 5% diện tích lá bị bệnh. Cấp 5: >5 – 25% diện tích lá bị bệnh; Cấp 7: 25 – 50% diện tích lá bị bệnh. Cấp 9: >50% diện tích lá bị bệnh.

3.2. Kết quả khảo nghiệm cơ bản

Năm 2012, tiến hành so sánh và đánh giá 2 giống lily Conca d'Or và Manissa so với giống đối chứng là Sorbonne. Theo dõi các chỉ tiêu về sinh trưởng, phát triển, năng suất, chất lượng hoa cũng như đánh giá hiệu quả kinh tế của giống hoa lily đưa vào khảo nghiệm cơ bản, chúng tôi thu được các kết quả tại các bảng.

Bảng 6. Tình hình sinh trưởng và phát triển của các giống hoa lily trồng khảo nghiệm tại Hà Nội (vụ đông, 2012)

Chi tiêu	Tỷ lệ sống (%)	Cao cây cuối vùng (cm)	Đường kính thân (cm)	Số lá cuối cùng (lá/cây)	TGST (ngày)
Sorbonne (đ/c)	97,1	98,1±3,45	0,85±0,09	54,5±2,35	92
Conca d'Or	98,7	91,5±2,67	1,1±0,11	48,3±2,67	84
Manissa	98,5	117,5±5,13	1,12±0,1	72,6±4,33	86

- Tỷ lệ sống: của các giống lily đạt khá cao, 2 giống lily Conca d'Or và Manissa có tỷ lệ sống đạt 98,7% và 98,5%, cao hơn so với giống Sorbonne (97,1%).

- Chiều cao cây và đường kính thân: chiều cao cây và đường kính thân của giống Manissa cao hơn hẳn so với giống đối chứng Sorbonne, tương

ứng đạt 117,5 cm và 1,12 cm. Cây cao, thân to và cứng nên thích hợp cho cả trồng chậu và cắt cành. Đối với giống Conca d'Or chiều cao trung bình thấp nhất đạt 91,5 cm.

- Thời gian sinh trưởng: Thời gian sinh trưởng của giống Conca d'Or và Manissa đều ngắn hơn so với giống Sorbonne là (6-8 ngày).

Bảng 7. Chất lượng hoa của các giống hoa lily trồng khảo nghiệm tại Hà Nội (vụ đông, 2012)

Chi tiêu	Số nụ/cây (nụ)	Chiều dài nụ (cm)	Đường kính nụ (cm)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền cành hoa (ngày)
Tên giống					
Sorbonne (đ/c)	6,2±1,13	10,7±1,15	2,9±0,65	19±1,13	10
Conca d'Or	4,4±0,67	9,5±0,85	3,9±0,53	18,3±1,5	10
Manissa	4,1±0,83	13,7±2,13	4,2±0,62	22,6±2,33	10

Bảng 7 cho thấy: Trong số hai giống lily khảo nghiệm thì giống Conca d'Or có chỉ tiêu về chất lượng hoa kém hơn giống Manissa và đối chứng.

Trong đó, số nụ/cây của giống Sorbonne trung bình cao hơn so với giống Manissa 2-3 nụ. Tuy nhiên các chỉ tiêu chiều dài nụ, đường kính nụ và

đường kính hoa của giống Manissa lại vượt trội hơn so với đối chứng.

Độ bền hoa của các giống lily khảo nghiệm đều có thời gian tương đương với giống Sorbonne là 10 ngày.

Bảng 8. Mức độ bị bệnh hại của các giống hoa lily trồng khảo nghiệm tại Hà Nội (vụ đông, 2012)

Chi tiêu Tên giống	Tỷ lệ cây bị bệnh thối củ (<i>Fusarium oxysporum</i>) (%)	Bệnh cháy lá sinh lý (cấp)
Sorbonne (đ/c)	1,5	3
Conca d'Or	0,5	0
Manissa	0,2	0

Nhìn chung cả hai giống Conca d'Or và giống Manissa có khả năng chống chịu rất tốt với hai loại bệnh thối vảy củ với tỷ lệ cây bị bệnh 0,2-0,5% và bệnh cháy lá đạt cấp độ 0 do 2 giống này thuộc nhóm giống OT-hybrids sinh trưởng, phát triển và chống chịu sâu bệnh hại cao.

Mục đích cuối cùng của việc trồng hoa là phải tính đến hiệu quả kinh tế, đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế của 2 giống hoa lily Conca d'Or và Manissa so với giống Sorbonne trồng vụ đông 2012 tại Hà Nội, đã thu được kết quả ở bảng 9.

Bảng 9. Hiệu quả kinh tế của các giống hoa lily trồng khảo nghiệm tại Hà Nội (vụ đông, 2012)

Chi tiêu Tên giống	Tỷ lệ cây thu hoạch (%)	Số cây thu hoạch (cây)	Giá bán/cây (đồng)	Tổng thu thuần (1.000 đ)	Tổng chi (1.000 đ)	Được lãi thuần (1000 đ)	Hiệu quả đồng vốn(lần)
Sorbonne (đ/c)	94,7	18.940	30.000	568.200	271.200	297.000	1,1
Conca d'Or	95,0	19.000	31.000	589.000	286.900	302.100	1,05
Manissa	96,0	19.200	32.000	614.400	289.600	324.800	1,12

Ghi chú: Số lượng củ lily trồng 1.000 m² là: 20.000 củ

Kết quả cho thấy: Các giống mới có khả năng chống chịu sâu bệnh tốt nên tỷ lệ thu hoạch đạt cao 95-96%, kết hợp với màu sắc lạ, cây và bộ lá đẹp, được thị trường ưa chuộng nên giá thành cao hơn so với giống đối chứng. Trong đó, hiệu quả kinh tế của giống Manissa đạt cao nhất (một đồng vốn bỏ ra thu được lãi thuần gấp 1,12 lần), giống đối chứng Sorbonne (1,1 lần), giống Conca d'Or đạt thấp nhất 1,05 lần.

3.3. Khảo nghiệm sản xuất

Kết quả khảo nghiệm cơ bản đã cho thấy giống Manissa có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt hơn so với giống Conca d'Or. Do đó, năm 2013 giống này đã được đưa vào trồng khảo nghiệm sản xuất ở một số tỉnh miền Bắc. Kết quả khảo nghiệm sản xuất cho kết quả ở các bảng sau.

Bảng 10. Tình hình sinh trưởng và phát triển của giống hoa lily Manissa trồng khảo nghiệm tại một số địa phương (vụ đông, 2013)

Địa điểm	Chi tiêu	Tỷ lệ sống (%)	Cao cây cuối cùng (cm)	Đường kính thân (cm)	Số lá cuối cùng (lá/cây)	TGST (ngày)
	Giống					
Hà Nội	Sorbonne (đ/c)	96,9	99,1±2,13	0,9±0,05	54,5±3,17	89
	Manissa	98,3	119±4,57	1,01±0,07	68,6±3,52	80

Bắc Ninh	Sorbonne (đ/c)	96	93,1±3,5	0,81±0,05	50,4±4,3	92
	Manissa	97,7	116,6±4,3	0,97±0,05	67,6±3,13	83
Hải Phòng	Sorbonne (đ/c)	95	93,3±3,67	0,75±0,1	51,5±2,67	91
	Manissa	98,1	118,4±4,5	0,98±0,07	68,7±4,7	83
Sơn La	Sorbonne (đ/c)	97	99,5±3,33	0,91±0,05	57±2,3	95
	Manissa	98,3	126,2±5,15	1,02±0,11	73,4±4,53	86

Tỷ lệ sống: Tỷ lệ sống của các giống khá cao, dao động 95-98,3%, trong đó tỷ lệ sống của giống Manissa cao hơn so với đối chứng Sorbonne và khi trồng ở Sơn La tỷ lệ sống cao hơn so với khi trồng ở các địa phương khác. Tương tự, các chỉ tiêu về: Chiều cao cây, đường kính thân, số lá/cây của các giống lily khảo nghiệm đều đạt cao hơn so với khi trồng ở các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng. Thời gian sinh trưởng của các giống lily cũng bị kéo dài.

Giống Manissa có thời gian sinh trưởng ngắn 80-86 ngày, đường kính thân lớn 0,98-1,02 cm và cao hơn giống đối chứng.

Như vậy, có thể thấy các chỉ tiêu sinh trưởng của giống Manissa khi tiến hành trồng khảo nghiệm sản xuất ở các địa phương cũng cho kết quả không sai khác đáng kể so với khi trồng ở giai đoạn đánh giá tập đoàn tại Hà Nội.

Bảng 11. Chất lượng hoa của giống hoa lily Manissa trồng khảo nghiệm tại một số địa phương (vụ đông, 2013)

Địa điểm	Chi tiêu	Số nụ/ cây (nụ)	Chiều dài nụ (cm)	Đường kính nụ (cm)	Đường kính hoa (cm)	Độ bền cành hoa (ngày)
	Tên giống					
Hà Nội	Sorbonne (đ/c)	6,3±1,01	11±1,15	3,3±0,11	16,9±1,05	10
	Manissa	3,7±0,67	13,1±1,5	3,8±0,21	20±1,1	10
Bắc Ninh	Sorbonne (đ/c)	6,5±1,11	12±1,33	3,1±0,17	16,4±1,07	9
	Manissa	4±0,89	13±2,1	3,7±0,23	20,6±1,35	9
Hải Phòng	Sorbonne (đ/c)	6,3±0,95	11,1±1,07	3,3±0,17	17±1,11	10
	Manissa	4,3±0,83	13,2±1,5	3,7±0,13	21±2,13	9
Sơn La	Sorbonne (đ/c)	6,2±1,13	11,9±1,33	3,3±0,13	17±1,7	12
	Manissa	4,5±0,87	13,9±2,45	4±0,25	21,5±2,35	12

Số nụ hoa/cây của giống Manissa dao động từ 3,7-4,5 nụ/cây thấp hơn so với giống đối chứng. Tuy nhiên những chỉ tiêu về đường kính nụ, dài nụ và đường kính hoa của giống Manissa cao hơn hẳn so với giống Sorbonne, cụ thể đường kính nụ dao động 3,7-4 cm, chiều dài nụ 13-13,9 cm, đường kính hoa 20-21,5 cm.

Chất lượng hoa của các giống lily: khi trồng tại Sơn La cũng cao hơn so với khi trồng tại các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là ở chỉ tiêu về chiều dài nụ, đường kính nụ và độ bền hoa cắt. Trong khi ở các địa phương khác, độ bền hoa cắt của giống Manissa chỉ đạt 9-10 ngày thì khi trồng tại Sơn La, độ bền hoa cắt đã kéo dài 12 ngày.

Bảng 12. Mức độ bị bệnh hại của giống hoa lily Manissa trồng khảo nghiệm tại một số địa phương (vụ đông, 2013)

Địa điểm	Chi tiêu	Tỷ lệ cây bị bệnh thối củ (<i>Fusarium oxysporum</i>) (%)	Bệnh cháy lá sinh lý (cấp)
	Tên giống		
Hà Nội	Sorbonne (đ/c)	1,2	1
	Manissa	0,2	0
Bắc Ninh	Sorbonne (đ/c)	1,3	3
	Manissa	0,5	0
Hải Phòng	Sorbonne (đ/c)	1,5	3
	Manissa	0,4	0
Sơn La	Sorbonne (đ/c)	1,7	1
	Manissa	0,2	0

Kết quả ở bảng 12 đã khẳng định lại ưu thế của giống Manissa so với giống đối chứng Sorbonne ở khả năng kháng bệnh thối củ, vảy củ và bệnh cháy lá sinh lý. Trong khi giống đối chứng (Sorbonne) bị bệnh này hại ở cấp độ 1-3 thì giống Manissa không bị 2 loại bệnh này hại (cấp 0).

Bảng 13. Hiệu quả kinh tế của giống hoa lily Manissa trồng khảo nghiệm tại một số địa phương (vụ đông, 2013)

(Tính cho 1 vụ 1.000 m²)

Địa điểm	Chi tiêu	Tỷ lệ cây thu hoạch (%)	Số cây thu hoạch	Giá bán/cây(đ)	Tổng thu (1.000đ)	Tổng chi (1.000đ)	Lãi thuần (1000đ)	Hiệu quả đồng vốn (lần)
	Tên giống							
Hà Nội	Sorbonne (đ/c)	92	18400	28.000	515.200	246.500	228.700	0,93
	Manissa	96	19.200	32.000	614.400	286.500	327.900	1,14
Bắc Ninh	Sorbonne (đ/c)	93	18.600	30.000	558.000	250.300	267.700	1,07
	Manissa	95	19.000	32.000	608.000	290.300	317.700	1,09
Hải Phòng	Sorbonne (đ/c)	94,0	18.800	30.000	564.000	259.600	274.400	1,06
	Manissa	96,0	19.200	32.000	614.400	289.600	324.800	1,12
Sơn La	Sorbonne (đ/c)	95	19.000	28.000	532.000	250.200	240.800	0,96
	Manissa	98	19.600	32.000	627.200	291.200	336.000	1,15

Ghi chú: Số lượng củ lily trồng 1.000 m² là: 20.000 củ

Bảng 13 cho thấy giống lily Manissa có tỷ lệ cây cho thu hoạch cao 95-98%, vì cây sinh trưởng tốt, bộ lá đẹp, màu sắc mới nên giá trị cành hoa cao hơn so với giống đối chứng Sorbonne. Do đó hiệu quả kinh tế đem lại cũng cao hơn (Một đồng vốn bỏ ra thu được lãi thuần gấp 1,09-1,15 lần), giống Sorbonne (0,93-1,07 lần).

Kết quả trồng khảo nghiệm sản xuất tại một số địa phương cho thấy giống hoa lily Manissa thích hợp trồng ở điều kiện một số tỉnh ở vùng đồng bằng sông Hồng và miền núi phía Bắc Việt

Nam, có khả năng sinh trưởng, phát triển tốt, chống chịu cao với bệnh hại.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

- Trong tập đoàn 10 giống lily được trồng ở điều kiện vùng đồng bằng sông Hồng đã tuyển chọn được 2 giống hoa lily Conca d'Or và Manissa có ưu thế hơn so với các giống khác. Cụ thể: cây sinh trưởng và phát triển tốt, chiều cao trung bình đạt 93,7-120,5 cm, đường kính thân đạt 1,02-1,11 cm, đường kính hoa to 18-20,6 cm; độ

bền cành hoa 10 ngày. Đặc biệt các giống này có khả năng chống chịu tốt với 2 loại bệnh gây hại chính là bệnh thối củ do nấm *Fusarium* gây ra và bệnh cháy lá sinh lý.

- Kết quả khảo nghiệm cơ bản tại Hà Nội vụ đông 2012 cho thấy giống hoa lily Manissa thể hiện đặc điểm vượt trội về sinh trưởng, phát triển và hiệu quả kinh tế đạt 1,12 lần cao hơn so với giống lily Conca d'Or và giống đối chứng.

- Khi đưa giống lily Manissa ra ngoài sản xuất (Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng, Sơn La) giống này có sự ổn định về đặc tính sinh trưởng, phát triển và khả năng thích ứng cao với các điều kiện sinh thái khác nhau. Cụ thể: chiều cao cây đạt 116,6-126,2 cm, thời gian sinh trưởng ngắn 80-86 ngày, tỷ lệ thu hoạch đạt 95-98%, hiệu quả kinh tế của giống đạt cao 1,09-1,15 lần.

4.2. Đề nghị

- Đề nghị công nhận giống hoa lily Manissa là giống sản xuất thử phục vụ sản xuất và mở rộng

vùng trồng ra một số tỉnh khác ở miền Bắc Việt Nam để khẳng định khả năng thích ứng và tính ổn định di truyền của giống trước khi công nhận giống chính thức.

- Bổ sung nghiên cứu song song các biện pháp kỹ thuật áp dụng cho giống hoa lily Manissa để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế của giống ngoài sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Đông, Nguyễn Văn Tinh, Trần Duy Quý, 2009. Báo cáo kết quả sản xuất thử giống hoa lily Sorbonne tại Việt Nam. Báo cáo hội nghị công nhận giống tạm thời.

2. Trịnh Khắc Quang, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thanh Tuyền, 2011. Báo cáo công nhận giống Belladonna tại các tỉnh miền Bắc Việt Nam. Báo cáo hội đồng công nhận giống cho sản xuất thử.

RESEARCH ON SELECTION OF MANISSA LILY VARIETY FOR THE NORTH OF VIET NAM

Le Thi Thu Huong, Nguyen Xuan Ket, Nguyen Thi Hong Nhung

Summary

In order to satisfy the increasing of lily flowers consumption in Northern Vietnam, the selection of more and more lily varieties with rich colours, a short growth duration and suitable taste for consumers is indispensable. The 10 lily cultivars originated from Holland were imported and tested by Fruits and Vegetables Research Institute in 2011. The results have shown that Manissa variety was adaptable with the areas condition in the North of Vietnam. The characters of Manissa variety consisted of: a short growth period (about 77-83 days), the average of high stems was 116.6-126.2 cm, 3-5 flower buds per stem, a good growth and developing, yellow flowers, strong stem and a good tolerance of the 'leaf scorch' and bulb roots (*Fusarium*). The economic efficiency gained from production of "Manissa" variety was from 1.09 to 1.15 times.

Keywords: *Lilium* genus, lily Manissa, lily Sorbonne, selection.

Người phân biên: GS.TS. Nguyễn Xuân Linh

Ngày nhận bài: 5/12/2014

Ngày thông qua phân biên: 5/1/2015

Ngày duyệt đăng: 12/1/2015